

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 3 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thịnh

Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 “V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; dân tộc: Kinh; cư trú tại: Thôn T, xã V, Thành phố B, tỉnh Thái Bình. Có mặt

Bị đơn: Anh Sầm Văn H, sinh năm 1988; dân tộc: Tày; cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Sầm Văn H về chung sống cùng nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, năm 2011 anh chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, Thành phố B, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh H tiếp tục đi học tại trường Đại học ở tỉnh Thái Bình, năm 2013 anh H ra trường chị đã nghỉ việc cùng chồng về làm ăn buôn bán tại Thành Phố H, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, mỗi người có một cách sống khác nhau, anh H không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời

không quan tâm đến vợ con, dẫn đến xảy ra xô sát cãi chửi lẫn nhau làm cho quan hệ giữa hai vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng. Do vậy, từ đầu năm 2017 cho đến nay chị và anh Sầm Văn H đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo duy trì quan hệ hôn nhân cũng không có hạnh phúc, nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sầm Văn H.

Về phía bị đơn anh Sầm Văn H trình bày: Thời gian vợ chồng về chung sống cũng như thời gian đăng ký kết hôn chị Phạm Thị N đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh H tiếp tục đi học tại trường Đại học ở tỉnh Thái Bình, năm 2013 anh ra trường cùng chị N về làm ăn buôn bán tại Thành Phố H, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung, nhưng đầu năm 2017 giữa hai anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ anh ghen tuông vô cớ, chị N cho rằng anh có quan hệ ngoại tình, nhưng thực tế không có, vào khoảng tháng 05/2017 chị N bàn bạc với anh xuống Thành phố H để làm thuê, sau vài lần xuống thăm anh thấy chị N có biểu hiện không chung thủy, nay chị Phạm Thị N có đơn xin ly hôn, anh cũng hoàn toàn nhất trí

Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Sầm Văn H đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có 01 con chung là cháu Sầm Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/11/2010. Khi ly hôn chị Phạm Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sầm Nguyễn Phương A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Sầm Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía anh Sầm Văn H cũng đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sầm Nguyễn Phương A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Phạm Thị N và anh Sầm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không hòa giải được, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Sầm Văn H và đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Sầm Nguyễn Phương A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh Sầm Văn H cũng nhất trí ly hôn, về nuôi con chung anh H đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, quá trình tranh tụng tại phiên tòa anh Sầm Văn H cũng nhất trí giao con cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều

tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 83, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Sầm Văn H; về việc nuôi con đề nghị xử giao cho chị Phạm Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/11/2010, cho đến khi cháu Phương A đủ 18 tuổi. Anh Sầm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Xét nội dung đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Phạm Thị N được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Sầm Văn H lấy nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống chung giữa hai anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau, luôn nghi ngờ, ghen tuông vô cớ, làm tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và khắc phục được, vì vậy chị Phạm Thị N đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa anh Sầm Văn H cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc, vì vậy anh cũng nhất trí ly hôn. Căn áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Sầm Văn H.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị N và anh Sầm Văn H đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Sầm Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/11/2010. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị N, anh H cùng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét việc tranh chấp về việc nuôi con của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai anh chị đều là người có trách nhiệm, thương yêu và quan tâm chăm sóc đến con chung, nhưng vì quá trình lấy lời khai nguyện vọng của cháu Sầm Nguyễn Phương A đề nghị được ở với mẹ, bản thân cháu lại là con gái mới được hơn 7 tuổi, nên cần có sự quan tâm chăm sóc đặc biệt của người mẹ, như vậy mới đảm bảo về tâm sinh lý và sự phát triển bình thường về sức khỏe đối với cháu, căn cứ vào các biên bản xác minh tại chính quyền địa phương xét thấy anh Sầm Văn H

không có việc làm ổn định, nay đây mai đó, mặt khác tại phiên tòa phân tranh tụng anh H cũng nhất trí giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Sầm Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/11/2010 cho chị Phạm Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Sầm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị Phạm Thị N và anh Sầm Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị N. Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Sầm Văn H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Sầm Nguyễn Phương A, sinh ngày 02/11/2010 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Sầm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03331 ngày 13 tháng 11 năm 2017.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V, thành phố B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư

